

Bản án số: 13 /2022/HNGĐ-PT

Ngày: 23/9/2022

V/v “Thay đổi người trực tiếp nuôi con
sau ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa.

Các thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Chát

Ông Vũ Thanh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

- Người tiến hành tố tụng tại điểm cầu thành phần: Bà Đặng Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TK, tỉnh Hải Dương.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại điểm cầu trung tâm phòng xét xử số 1 Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương và điểm cầu thành phần hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện TK, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 12/2022/TLPT-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022, về việc “Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn”. Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 26/2021/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện TK, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2022/QĐ - PT ngày 12 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2022/QĐ - PT ngày 31 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2022/QĐ - PT ngày 08 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1990; Đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm 4, thôn ĐX, xã UH, huyện NG, tỉnh Hải Dương.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị L là bà Đỗ Thị Th1, sinh năm 1994 và ông Lê Văn H, sinh năm 1989 - Luật sư Công ty Luật TNHH HD; Địa chỉ: Số 27 TK, phường TH, quận CG, Thành phố Hà Nội.

2. *Bị đơn:* Anh **Lê Xuân M**, sinh năm 1988; Đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn NT, xã QK, huyện TK, tỉnh Hải Dương.

3. *Người làm chứng:*

3.1. Ông Lê Văn T, sinh năm 1964.

3.2. Chị Phạm Thị L1, sinh năm 1988.

3.3. Chị Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 1986.

Đều trú tại: Thôn NT, xã QK, huyện TK, tỉnh Hải Dương.

3.4. Ông Nguyễn Quốc Th, sinh năm 1968.

3.5. Bà Đỗ Thị Th1, sinh năm 1969.

Đều trú tại: Xóm 4, thôn ĐX, xã UH, huyện TK, tỉnh Hải Dương.

3.6. Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1961.

3.7. Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1960.

3.8. Chị Nguyễn Thị Th2, sinh năm 1982.

Đều trú tại: Thôn ĐX, xã UH, huyện NG, tỉnh Hải Dương.

4. *Người kháng cáo:* Chị **Nguyễn Thị L**.

Tại phiên tòa chị L, anh M, ông H, bà Th, ông T, chị L1 có mặt; Bà Th, chị Lan A, ông Th, bà T, bà Th1, chị Th2 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 26/2022/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện TK, tỉnh Hải Dương, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Lê Xuân M trước đây là vợ chồng, do vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa nên năm 2019 chị và anh M đã làm đơn xin ly hôn và đề nghị Tòa án nhân dân huyện TK ghi nhận sự thuận tình ly hôn. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 171/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2019, Tòa án nhân dân huyện TK đã công nhận thuận tình ly hôn của anh chị, về con chung anh chị đã thỏa thuận giao con chung là cháu Lê Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 31/01/2016 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tuy nhiên, từ khi anh M được giao nuôi con đến nay, anh M do bận công việc thường xuyên không có mặt ở nhà nên không trực tiếp nuôi con mà để cho bố mẹ đẻ anh M nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh M thuê quán làm quảng cáo, công việc bấp bênh không ổn định, thường xuyên phải đóng quán do dịch bệnh và không có khách, ngoài việc làm quảng cáo anh M không làm thêm ở đâu cả nên không có thu nhập ổn định, anh M giao nộp tài liệu cho Tòa án thể hiện anh M làm việc cho Công ty ThS là không đúng vì phần lớn thời gian đã làm công việc quảng cáo nên không có thời gian làm cho Công ty ThS, mặt khác chị cũng đã đến Công ty ThS theo địa chỉ anh M cung cấp cho Tòa án nhưng chỉ có biển hiệu của công ty chứ công ty không hoạt động tại địa chỉ này.

Trước và sau khi ly hôn anh M luôn là con người nóng nảy, cục cằn, hay chửi bới, có lần khi đến đón cháu A ở nhà chị tại NG, anh M đã chửi bới gia đình chị và thách thức đánh nhau với em trai chị. Ngoài một số lần được đón con về thì anh M và gia đình thường xuyên có những hành động ngăn cản, gây khó khăn cho chị trong việc thăm con. Anh M hiện nay đã có vợ mới, vợ mới anh M cũng có con riêng nên anh M càng ít thời gian quan tâm đến cháu A. Hiện nay anh M cùng vợ mới đang ở trên đất của bố mẹ cho ở nhờ còn cháu A ở với ông bà nội, ông bà nội buôn bán bận rộn nên không có thời gian chăm sóc cháu, hơn nữa ông bà đã già nên không hiểu được tâm sinh lý của cháu A, đặc biệt thời gian tới đây cháu sắp vào lớp 1. Anh M và vợ mới trong tương lai sẽ có con chung nên ông bà nội sẽ không có thời gian quan tâm chăm sóc cháu A, đến khi ông bà già yếu thì cháu A cũng không thể ở cùng anh M được. Cháu A là con gái nên chị là phụ nữ sẽ nắm bắt được tâm sinh lý của cháu, giữa chị và cháu chia sẻ với nhau dễ dàng hơn là cháu A chia sẻ với anh M. Mặt khác, cháu A chuẩn bị vào lớp 1, bản thân chị là giáo viên nên thuận lợi hơn anh M trong việc dạy cháu học, bên cạnh đó chị có công việc, nơi ở ổn định, có một khoản tiền tiết kiệm để lo cho tương lai của cháu A và bố mẹ chị hỗ trợ tạo điều kiện tốt nhất cho chị trong việc nuôi con. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giao con chung là Lê Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 31/01/2016 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con.

- Bị đơn anh Lê Xuân M trình bày:

Anh xác định lời trình bày của chị L về việc ly hôn và giao con cho anh nuôi dưỡng khi ly hôn như chị L trình bày là đúng. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị L về việc thay đổi người nuôi con thì anh không đồng ý, vì từ khi cháu A ở với anh cháu hoàn toàn khỏe mạnh, phát triển bình thường, cháu hiện đang học ở Trường mầm non QK các cô giáo có ý kiến cháu rất thích đi học nên kết quả học tập tốt, tiếp thu được các bài giảng ở trường, hòa đồng với các bạn. Còn về bản thân anh hiện mở cửa hàng quảng cáo tại chợ Đ, xã UH, huyện NG, tỉnh Hải Dương, ngoài ra còn kinh doanh vận tải và làm việc thiết kế từ xa cho Công ty ThS, thu nhập khoảng 25 - 30 triệu đồng/tháng. Do mở cửa hàng nên anh hoàn toàn chủ động được về mặt thời gian, sáng 8 giờ anh đi làm chiều 17 giờ thì về đến nhà. Ngoài ra, để đảm bảo cho tương lai của cháu A anh còn làm hai sổ tiết kiệm cho cháu, một sổ trị giá 400 triệu đồng và một sổ trị giá 100 triệu đồng.

Năm 2019, sau khi ly hôn chị L, bố mẹ anh cho anh ra ở riêng trên nhà đất cũng tại xã QK, cách nhà bố mẹ 200m. Tháng 10/2021, anh lấy vợ và ở cùng vợ trên nhà đất mà bố mẹ cho, cháu A ở cùng vợ chồng anh. Mặc dù cháu A là con riêng của anh nhưng vợ anh hết mực thương yêu cháu A, chăm sóc cháu từ bữa ăn đến giấc ngủ, cháu A cũng rất yêu thương vợ anh, anh thấy vợ và con rất quăn

quýt nhau. Bố mẹ anh làm kinh doanh vật tư nông nghiệp tại nhà nên có nhiều thời gian hỗ trợ anh trong việc nuôi dạy con cái. Hàng ngày, anh đưa cháu A đi học, cháu học bán trú tại trường, chiều cháu học xong thì có hôm anh đón, nếu bận công việc thì bố mẹ anh đón con giúp anh. Khi anh đi làm chưa về thì cháu A ở cùng ông bà, đến khi anh về thì anh cùng vợ và cháu A ăn cơm cùng ông bà xong mới về nhà.

Chị L hiện ở cùng bố mẹ, không có nhà riêng, công việc làm giáo viên hợp đồng tại trường dân lập NG II nên thu nhập không cao. Ngoài ra, từ khi giao con cho anh nuôi, mỗi lần chị L muốn đến gặp con hay đón con về nhà chị L chơi 1 - 2 hôm anh vẫn đồng ý, tuy nhiên vừa qua chị L đón con về nhưng đến khi anh đề nghị chị L đưa con về nhà anh thì chị L không thực hiện mà còn có nhiều hành vi gây cản trở anh trong việc nuôi con, anh đến nhà chị L đón con thì chị L đóng cửa không cho anh vào, anh đã báo cáo chính quyền địa phương nơi anh ở cũng như nơi chị L ở để nhờ can thiệp. Việc làm của chị L làm ảnh hưởng trực tiếp, gây cản trở đến việc nuôi cháu A của anh, ảnh hưởng đến việc học tập của cháu A cũng như việc thay đổi môi trường sống, ảnh hưởng đến tâm lý của cháu.

Anh nhận thấy có đầy đủ điều kiện để nuôi dạy cháu A và cho cháu có sự phát triển tốt nhất về mọi mặt nên anh đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, đề nghị giao cháu A cho anh tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

- Người làm chứng ông Lê Văn T trình bày: Ông là bố đẻ của anh M, chị L trước đây là con dâu của ông. Khi chị L và anh M ly hôn, do cháu A còn nhỏ và là con gái nên ông cũng có ý muốn chị L nuôi dưỡng cháu A. Tuy nhiên khi ly hôn, chị L không có nguyện vọng được nuôi con mà thống nhất để anh M nuôi cháu A nên ông cũng đã lo nghĩ về việc anh M là đàn ông liệu có nuôi được cháu A không, nhưng thời gian anh M nuôi dưỡng cháu A, ông thấy cháu A phát triển tốt về mọi mặt, cháu thích đi học, ông thấy rất mừng vì anh M biết nuôi con. Đến nay, anh M có vợ mới ông lại càng yên tâm hơn vì vợ mới của anh M cũng rất yêu thương cháu A và hỗ trợ hết mức trong việc nuôi dưỡng cháu A. Về bản thân ông và vợ làm công việc kinh doanh tại nhà, nên có nhiều thời gian hỗ trợ anh M trong việc nuôi dưỡng cháu A, ngoài ra ông còn cho anh M một diện tích đất cách nhà 500m để anh M làm nhà ở. Ông cam đoan sẽ hỗ trợ anh M về mọi mặt trong việc nuôi con.

- Người làm chứng chị Phạm Thị L1 trình bày: Chị là vợ mới của anh M, mặc dù cháu A không phải là con ruột của chị nhưng chị hết sức yêu thương chăm sóc cháu và hỗ trợ anh M về mọi mặt. Cháu A hiện nay đang ở cùng chị và anh M chứ không phải ở cùng ông bà nội, thời gian cháu ở với chị thì chị thấy cháu phát triển bình thường. Mặc khác chị là phụ nữ sẽ dễ dàng nắm bắt được

tâm sinh lý, cũng như trong quá trình phát triển sau này của cháu A. Anh M nuôi dưỡng cháu A, chị cam đoan sẽ hỗ trợ anh M cũng như yêu thương cháu A như con đẻ của chị.

- Người làm chứng ông Nguyễn Quốc Th và bà Đỗ Thị Th1 trình bày: Ông bà là bố mẹ đẻ của chị L là ông bà ngoại của cháu A. Sau khi anh M, chị L ly hôn, anh M thường xuyên ngăn cản chị L thăm con nên cháu A cũng ít khi được về thăm ông bà ngoại. Cháu A là con gái nên rất cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ, mặt khác cháu cũng mong muốn ở cùng mẹ nên ông bà đề nghị Tòa án giao cháu A cho chị L nuôi dưỡng và cam kết sẽ tạo điều kiện tốt nhất cũng như hỗ trợ chị L trong việc nuôi con.

- Kết quả làm việc tại Ủy ban nhân dân xã UH, huyện NG và các đoàn thể liên quan thể hiện: Chị L có nơi cư trú, công việc và thu nhập ổn định, có bố mẹ hỗ trợ trong việc nuôi con nên chị L có đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu Lê Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 31/01/2016. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Kết quả làm việc tại Ủy ban nhân dân xã QK, huyện TK và các đoàn thể liên quan thể hiện: Sau khi anh M và chị L ly hôn, cháu Lê Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 31/01/2016 do anh M nuôi dưỡng, bản thân anh M và bố mẹ anh M đều hết lòng yêu thương, chăm sóc cháu A và tạo mọi điều kiện cho cháu có sự phát triển tốt nhất. Đối với chị L từ khi ly hôn, anh M và bố mẹ anh M luôn tạo điều kiện cho chị thăm, gặp con, cũng như đón con về nhà chị L chơi, tuy nhiên có lần chị L đến thăm con nhưng vì tình hình dịch bệnh nên gia đình anh M không cho thăm nên chị L có những hành vi, lời nói chửi bới. Có lần chị L đón con về nhà nhưng sau đó không trả con cho anh M nên anh M có đơn trình báo nhờ chính quyền can thiệp, địa phương đã phối hợp với Ủy ban nhân dân xã UH, huyện NG để vận động và khuyên bảo nên chị L mới giao trả con cho anh M. Anh M có công việc, thu nhập ổn định, được bố mẹ cho nhà đất và hỗ trợ trong việc nuôi con nên có đủ điều kiện để nuôi con và cho con có sự phát triển tốt nhất. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Kết quả làm việc với đại diện Trường mầm non QK và Giáo viên chủ nhiệm lớp cháu A học, thể hiện: Cháu A hiện đang học tại trường, cháu học tập và phát triển tốt, hòa đồng với các bạn. Anh M và bố mẹ anh M là người đưa đón cháu A đi học cũng như đón cháu về, anh M thường xuyên quan tâm, hỏi han về việc học tập của cháu, trong các công tác, hoạt động của nhà trường anh M rất hăng hái tham gia đóng góp, ủng hộ cho nhà trường. Chị L mỗi lần đến thăm con đều được nhà trường tạo điều kiện không bị ai ngăn cản. Nay chị L có đơn yêu cầu thay đổi người nuôi con đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 26/2022/HNGĐ-ST ngày 16/5/2022, Tòa án nhân dân huyện TK đã căn cứ vào các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị L về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

2. Giao cho anh Lê Xuân M được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Lê Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 31/01/2016 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh M không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25 tháng 5 năm 2022, chị Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm: Sửa bản án sơ thẩm giao con chung cho chị nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa:

Chị Nguyễn Thị L giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Anh Lê Xuân M trình bày hiện nay cháu A đang học lớp 1 tại Trường Tiểu học xã QK, cháu được cô giáo, các bạn tin nhiệm bầu làm lớp trưởng và anh tham gia làm chi hội trưởng của lớp. Anh hiện nay đã xây nhà trên mảnh đất bố mẹ anh cho, anh luôn tạo điều kiện cho chị L được thăm nom con. Anh có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên có điều kiện để chăm sóc con. Do vậy, anh không nhất trí với kháng cáo của chị L, đề nghị Tòa án giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị L có quan điểm: Theo ý kiến trình bày của một số người làm chứng thì cửa hàng anh M mở tại xã UH thường xuyên đóng cửa, do đó thu nhập của anh M không ổn định, cháu A là con gái ở với chị L thì giữa chị L và cháu A chia sẻ với nhau dễ dàng hơn là chia sẻ với anh M. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của chị L, giao cháu A cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu:

Về tố tụng: Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 273, Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa thì không có căn cứ để thay đổi người trực tiếp nuôi con theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị L. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị L. Giữ nguyên Bản án số 26/2022/HNGĐ-ST ngày 16/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện TK, tỉnh Hải Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Kháng cáo của chị Nguyễn Thị L trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên xác định là kháng cáo hợp lệ và được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Về xét xử vắng mặt những người làm chứng:

+ Bà Phạm Thị X được người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị L đề nghị Tòa án bổ sung tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng. Tuy nhiên khi được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa bà X đã có đơn từ chối làm người làm chứng. Chị L và ông H cũng nhất trí. Do đó, Hội đồng xét xử không xác định bà X **tham** gia vụ án với tư cách người làm chứng.

+ Những người làm chứng: Ông Th, chị Lan A, bà Th1, bà T, chị Th2 có đơn xin vắng mặt và đã có bản tự khai gửi Tòa án nên hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người trên.

[2]. Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị L, Hội đồng xét xử thấy:

Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 171/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện TK thì anh Lê Xuân M là người được giao nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Lê Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 31/01/2016 kể từ tháng 9/2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thực tế từ khi được giao nuôi con cho đến nay anh M vẫn thực hiện tốt nghĩa vụ, chăm sóc con chung. Cháu Ngọc A được đi học và phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Việc chị L có nguyện vọng được nuôi con là hoàn toàn chính đáng và xuất phát từ sự yêu thương, quan tâm đến con cái. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi dưỡng cần được xem xét một cách khách quan và toàn diện về mọi mặt trên cơ sở quyền lợi của con chưa thành niên được đặt lên hàng đầu. Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi được giao nuôi con cho đến **nay**, anh M là người trực tiếp nuôi con và thực hiện tốt nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Cháu A được anh M đưa đi học và đón về, những lúc anh M bận công việc thì bố mẹ anh M giúp anh M trong việc đón con, chăm sóc con. Ở Trường học, cháu A học tập tốt, hòa đồng với các bạn, phát triển tốt về thể chất

lẫn tinh thần. Mặc dù, anh M hiện nay đã có vợ mới nhưng vợ mới của anh M hết sức yêu thương cháu A và coi cháu như con ruột, điều này được anh M và bố mẹ anh M thừa nhận. Do đó, không có cơ sở xác định anh M không nuôi con mà để con cho bố mẹ nuôi hộ như lời chị L trình bày.

- Về điều kiện kinh tế: Căn cứ các tài liệu chứng cứ do anh M cung cấp cho Tòa án có cơ sở xác định anh M hiện đang làm nghề quảng cáo, có cửa hàng riêng và làm các công việc khác theo anh M thu nhập bình quân hàng tháng từ 25.000.000 đồng - 30.000.000 đồng, ngoài ra anh M còn có một khoản tiền tiết kiệm trị giá 500.000.000 đồng để lo cho tương lai cháu A, từ khi được giao nuôi con đến nay anh M chưa dùng đến số tiền này, các khoản đóng cho nhà trường nơi cháu A học đều do anh M đóng góp, điều này phù hợp với lời khai của anh M cũng như kết quả xác minh tại Trường mầm non QK thể hiện anh M luôn tạo điều kiện tốt nhất về vật chất và tinh thần để cháu A được phát triển một cách toàn diện. Tại phiên tòa sơ thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày các sổ tiết kiệm của anh M giao nộp cho Tòa án đã hết hạn, tuy nhiên anh M xuất trình sổ tiết kiệm bản gốc hiện anh đang quản lý thể hiện anh chưa dùng đến số tiền tiết kiệm mà vẫn đảm bảo cho cháu A có sự phát triển tốt nhất. Do đó, không có căn cứ xác định anh M không đủ điều kiện về kinh tế để nuôi dưỡng cháu A như lời trình bày của chị L.

- Về chỗ ở: Năm 2019, sau khi ly hôn chị L, anh M được bố mẹ để cho một diện tích đất để ở, đến nay anh M đang làm lại nhà mới, việc này được bản thân ông T là bố đẻ anh M xác nhận nên việc chị L trình bày anh M ở nhờ nhà của bố mẹ anh M là không có căn cứ.

Theo chị L trình bày anh M và gia đình ngăn cản chị trong việc nuôi con, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như chính lời trình bày của chị L tại phiên tòa thể hiện chị L vẫn thường xuyên đến thăm con tại trường và tại nhà bố mẹ anh M và còn được đón con về chơi tại nhà của chị L ở NG. Do đó, chưa đủ cơ sở cho rằng anh M cản trở chị trong việc thăm nom, chăm sóc con cái.

Về phía chị L cũng cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh về điều kiện kinh tế, về việc bố mẹ sẽ hỗ trợ và tạo mọi điều kiện tốt nhất cho chị nếu chị được nuôi con và cháu A cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Hội đồng xét xử xác định chị L cũng có đủ điều kiện nếu được giao nuôi con, còn việc cháu A có nguyện vọng được ở với mẹ thì thấy hiện nay cháu A chưa đủ 7 tuổi, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định chỉ phải xem xét nguyện vọng của con khi con từ đủ 7 tuổi trở lên. Đây là vụ án thay đổi người trực tiếp nuôi con, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con được giải quyết khi có một trong các căn cứ sau đây:

1. Cha mẹ có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con.

2. Người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh M không đồng ý để chị L nuôi cháu A, đồng thời anh M đã đưa ra được căn cứ chứng minh anh M hoàn toàn đủ điều kiện để chăm sóc và nuôi dưỡng con, thực tế cháu A từ khi ở với anh M đến nay phát triển tốt về cả thể chất lẫn tinh thần. Do đó không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu thay đổi người nuôi con theo đơn khởi kiện của chị L. Để ổn định cuộc sống của cháu A nên **Tòa** án cấp sơ thẩm đã quyết định tiếp tục giao cháu A cho anh M nuôi dưỡng là phù hợp.

Từ nhận định trên cho thấy kháng cáo của chị L không có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị L khởi kiện không được chấp nhận nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị L kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự:

Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị L. Giữ nguyên Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 26/2022/HNGĐ-ST ngày 16/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện TK như sau:

Căn cứ Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 148, Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L, về việc “Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn”.

2. Giao cho anh Lê Xuân M được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Lê Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 31/01/2016 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh M không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh.

Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí

Tòa án số AA/2020/0004375 ngày 11/01/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TK, tỉnh Hải Dương (chị L đã nộp đủ).

4. Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Chị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0004499 ngày 31/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TK, tỉnh Hải Dương (chị L đã nộp đủ).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 23/9/2022./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện TK;
- Chi cục THADS huyện TK;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mai Hoa